

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-PT

Ngày 23 - 3 - 2026

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2026/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 293/2025/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2026/QĐXX-PT ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau.

* *Người kháng cáo:* Anh Trần Văn B, sinh năm: 1982, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2025, cùng các văn bản kèm theo chị Trần Thị Thúy N trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 12 năm 2022, chị và anh Trần Văn B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) ngày 04/6/2024. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, do cuộc sống gia đình chị phải đi làm xa nhà, anh B vẫn đồng ý cho chị đi làm nên cả hai không còn chung sống từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Hiện nay chị không còn tình cảm dành cho anh Trần Văn B và không thể tiếp tục sống cùng anh Trần Văn B. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị cương quyết yêu cầu ly hôn anh Trần Văn B.

Về con: Có 01 người con tên Trần Ái V (giới tính nữ), sinh ngày 28/01/2023. Hiện con đang do anh B nuôi dưỡng, chị yêu cầu giao con cho chị được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị N xác định trước khi về chung sống với anh B chị đã mang thai nên bé V không phải là con chung của chị và anh B. Anh B vẫn biết bé V không phải là con chung giữa chị và anh B. Về điều kiện nuôi con, chị N xác định chị làm công nhân, thuê phòng trọ cho cháu V ở nhà với bà N1, thu nhập ổn định đủ trang trải cuộc sống để nuôi cháu V, hơn nữa từ khi chị N có ý định chở cháu V về thăm ngoại nhưng anh B không đồng ý, từ khi chị đi làm xa có về thăm cháu V nhiều lần thì anh B viện nhiều lý do không cho gặp mặt.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống và việc có đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Chị Trần Thị Thúy N yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh. Anh B không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thúy N, với lý do giữa anh và chị N không có mâu thuẫn gì, mâu thuẫn chủ yếu là chị N xin đưa Trần Ái V về ngoại chơi nên anh không đồng ý và anh vẫn còn tình thương đối với chị N.

Về con: Vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Ái V, sinh ngày 28/01/2023; chị Trần Thị Thúy N yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Việc này anh không đồng ý và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Ái V, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Lý do yêu cầu được trực tiếp nuôi con, vì chị N đã bỏ đi không nuôi con từ lúc Trần Ái V mới 15 tháng tuổi; nay con đã 35 tháng tuổi, hơn 20 tháng bé V không gặp mẹ không biết mẹ nên việc bé lạ người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý và cuộc sống của bé V. Từ đó anh đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con đối với Trần Thị Thúy N, giao Trần Ái V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng nhằm giữ ổn định chỗ ở, đảm bảo sức khỏe và cuộc sống của bé V.

Trường hợp giao cho Trần Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng bé Trần Ái V sẽ rơi vào trường hợp bé V ở với người mà mình không ở cùng thường xuyên hoặc thiếu sự hiện diện hằng ngày của cha, ông bà nội, rời khỏi đời sống hằng ngày, khiến bé V bị mất phương hướng cảm xúc và hình thành các rối loạn và tổn thương tâm lý ở bé V như: Lo âu chia ly, rối loạn hành vi, giảm tự tin và khả năng thích nghi cuộc sống xã hội.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 293/2025/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau) đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thúy N ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con: Giao Trần Ái V (giới tính nữ), sinh ngày 28/01/2023 cho chị Trần Thị Thúy N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai được cản trở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 22/12/2025, bị đơn anh Trần Văn B kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Văn B trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn B rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu đoàn tụ với chị Trần Thị Thúy N, chỉ yêu cầu được quyền nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ phần kháng cáo về hôn nhân của bị đơn.

[3] Xét kháng cáo của anh Trần Văn B yêu cầu được nuôi con tên Trần Ái V (giới tính nữ), sinh ngày 28/01/2023, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V; chị N xác định cháu V là con riêng của chị, do trước đây chị về chung sống với anh B thì chị đã có thai. Tuy nhiên, tại giấy khai sinh thể hiện anh B là cha đứa bé, chị N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cháu V là con riêng của chị N. Anh B xác định bé V là con chung của anh và chị N, chị N yêu cầu giám định huyết thống (giám định ADN), tại phiên tòa anh B không đồng ý cho giám định.

Tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi con, vì chị Trần Thị Thúy N đã bỏ đi không nuôi con từ lúc Trần Ái V mới 15 tháng tuổi; nay con đã 37 tháng tuổi và hơn 20 tháng qua bé V không gặp mẹ, nên việc bé lạ người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý và cuộc sống của bé V. Hơn nữa khi mang thai chị N nhiều lần muốn bỏ con và có ý định bán con sau khi sinh nhưng được anh can ngăn mới giữ được như ngày hôm nay.

Xét thấy, sau khi chị N không còn chung sống với anh B, chị N có đến thăm con nhiều lần và yêu cầu được đưa về ngoại chơi nhưng anh B không đồng ý, hơn nữa cháu V là giới tính nữ, nên phát triển tâm sinh lý về sau rất cần đến sự chăm sóc của người mẹ, về khả năng nuôi dưỡng giữa anh B và chị N có điều kiện như nhau. Mặt khác, tại phiên tòa chị N khẳng định cháu V không phải là con chung giữa chị và anh B và yêu cầu được lấy mẫu giám định huyết thống, nhưng anh B khẳng định cháu V là con chung giữa anh và chị N và từ chối giám định, điều này cho thấy anh B thể hiện việc từ bỏ quyền làm cha của mình, do đó Bản án sơ thẩm xem xét giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo về phần hôn nhân của anh Trần Văn B; không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn B về nuôi con chung, giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trần Văn B phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, anh Trần Văn B đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo về hôn nhân của anh Trần Văn B với chị Trần Thị Thúy N; Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn B về yêu cầu nuôi con.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 293/2025/HNGĐ - ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thúy N ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con: Giao Trần Ái V (giới tính nữ), sinh ngày 28/01/2023 cho chị Trần Thị Thúy N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng. Chị Trần Thị Thúy N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000872 ngày 02/10/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

4. Án phí phúc thẩm: Anh Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Trần Văn B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006907, ngày 23/12/2025 của Thi hành án tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đam

